TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 818/2022/HS-PT
Ngày: 16/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;
Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 881B/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Thân Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Thân Văn T** sinh ngày 16/02/1991, tại xã T1, huyện T2, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T1, huyện T2, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Nhà số 01 ngõ 01, đường T3, phường T4, quận T3, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Ngọc Th (sinh năm 1958) và bà Bùi Thị Ng (sinh năm 1960); có vợ là Hoàng Thị Hồng H (sinh năm 1993) và có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị cáo không kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):*

1. Chu Tiến P sinh ngày 12/6/1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P1, thị trấn P2, huyện P3, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Chung cư C2, phường P4, thành phố P5, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngô Văn Tr sinh ngày 21/10/1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Tr1, xã Tr2, huyện Tr3, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Phòng 5A2, căn Tr4, ngõ Tr5, phố Tr6, phường Tr7, quận Tr8, thành phố Hà Nội.

- *Bị hại không kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):* Anh Nguyễn Công Thanh T5 sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn T6, xã T7, huyện T8, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang sinh sống ở X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):*

1. Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1989; địa chỉ: Chung cư C2, phường P4, quận P5, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Dương Thị Th1 sinh năm 1984; địa chỉ: Lô 1, Chung cư P4, quận P5, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Nguyễn Thị Th2 sinh năm 1992; địa chỉ: Nhà số 141, phường T4, quận T3, thành phố Hà Nội.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng H sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T0, xã T1, huyện T2, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Văn T và Chu Tiến P có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng tháng 5/2021, T trao đổi, thống nhất với P về việc P trực tiếp đến các ngân hàng mở tài khoản rồi chuyển thẻ ATM và các thông tin khác về tài khoản cho T để T bán lấy tiền và cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền trong tài khoản đã bán nếu tài khoản đó phát sinh số dư. Sau đó, P trực tiếp đến các ngân hàng mở tài khoản mang tên chủ tài khoản là Chu Tien P, đăng ký nhận mã OTP và dịch vụ SmartBanking bằng số điện thoại do T cung cấp, còn nhận thông báo biến động số dư tài khoản đăng ký bằng số điện thoại chính chủ của P là 0945071858, với mục đích sau khi bán số tài khoản này cho người khác sử dụng và nếu có tiền chuyển vào trong tài khoản thì P kịp thời thông báo với Ngân hàng khóa giao dịch đối với tài khoản này để chủ thẻ (người đã mua tài khoản) không rút được tiền. Sau đó, P đến ngân hàng yêu cầu mở lại tài khoản, thực hiện việc đăng ký dịch vụ SmartBanking và nhận mã OTP bằng số điện thoại mới do T cung cấp. Khi biết P đã mở lại tài khoản thì T đăng nhập vào ứng dụng dịch vụ SmartBanking và chuyển toàn bộ số tiền có trong tài khoản mang tên Chu Tiến P sang một tài khoản khác để rút tiền mặt và chia cho P 50% số tiền chiếm đoạt được.

Bằng phương thức và thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021, P đã mở 06 thẻ ATM tương ứng với 06 số tài khoản của các ngân hàng khác nhau (Vietcombank, Sacombank, Viettinbank, BIDV, Techcombank và TP bank) đều mang tên "Chu Tien P" và chuyển cho T để bán, trong đó có thẻ ATM của BIDV với số tài khoản là 13210xxxxxxx (phát hành ngày 05/10/2021). Ngày 21/11/2021, T sử dụng tài khoản Facebook có

tên "Thẻ xxxxx" liên lạc với tài khoản Facebook có tên "Viet xxxx" của Ngô Văn Tr để bán cho Tr 01 thẻ ATM với số tài khoản 1321000xxxxxx mang tên "Chu Tien P" của BIDV, kèm theo 01 thẻ sim số 0926xxxxx, tên đăng nhập, mật khẩu dịch vụ SmartBanking và mật khẩu của thẻ ATM với giá 2.200.000 đồng. Sau khi mua tài khoản của T với mục đích để sử dụng vào việc chiếm đoạt tiền của người khác, Tr đăng nhập SmartBanking của tài khoản này để mở thêm một tài khoản XXX có số 45266006xxxxx cũng mang tên chủ tài khoản là "Chu Tien P" và sử dụng chung số điện thoại nhận mã OTP, đăng ký dịch vụ SmartBanking, mật khẩu với tài khoản số 132100xxxxxxx.

Do đã có quá trình sinh sống ở X nên Tr biết được việc sử dụng dịch vụ chuyển tiền từ tài khoản thuộc Ngân hàng Hana của X sang các tài khoản thuộc hệ thống Ngân hàng của Việt Nam. Đồng thời, Trường biết được Ngân hàng Hana giới hạn mức giao dịch của người Việt Nam tại X và có dịch vụ nâng hạn mức giao dịch chi tiêu. Để chiếm đoạt tiền, Tr đã sử dụng Ipad Mini5 màu vàng, đăng nhập mạng Internet tạo một tài khoản Facebook "ảo" mang tên "Ngân hàng X" và truy cập tìm kiếm thông tin người Việt Nam tại X muốn nâng hạn mức giao dịch chi tiêu với mục đích lấy được thông tin tài khoản của chủ thẻ để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của họ. Ngày 02/12/2021, tài khoản Facebook "Thanh T5" của anh Nguyễn Công Thanh T5 (hiện đang sinh sống và lao động tại X) đã nhắn tin qua messenger đến tài khoản Facebook "Ngân hàng Hana" của Tr để yêu cầu nâng hạn mức giao dịch của anh T5 tại X. Thấy vậy, Tr đã yêu cầu anh T cung cấp thông tin gồm số tài khoản ngân hàng, mật khẩu đăng nhập, hình ảnh OTP và bấm số 23 để xác nhận là chủ tài khoản khi có cuộc gọi đến của tổng đài Ngân hàng Hana. Sau khi anh T5 cung cấp đầy đủ các thông tin của tài khoản, vào lúc 20 giờ 25 phút ngày 02/12/2021, Tr đã sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy J5 gắn sim số 0926.730.xxx kết nối Internet đăng nhập vào tài khoản 275910205xxxxx của anh T5 trên ứng dụng Ngân hàng Hana và phát hiện trong tài khoản của anh T5 có số tiền 5.963.572 WON (X) nên Tr đã đăng nhập SmartBanking chuyển 5.963.572 WON tương ứng với số tiền 114.615.384 đồng sang tài khoản XX số 4526600610xxxx tại Ngân hàng BIDV thành số tiền 114.610.000 đồng. Sau đó, Trường tiếp tục sử dụng dịch vụ SmartBanking chuyển 114.610.000 đồng từ tài khoản XX số 452660061xxxxx sang tài khoản số 13210000xxxxx mang tên "Chu Tien P" tại Ngân hàng BIDV để sử dụng thẻ ATM rút tiền. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Tr đi đến cột ATM tại ngõ 521, phường Tr6, quận Tr8, thành phố Hà Nội dùng thẻ ATM để rút số tiền đã chiếm đoạt của anh T5 thì bị nuốt thẻ. Sau đó, Tr kiểm tra trên ứng dụng SmartBanking thì phát hiện tài khoản XX số 452660061xxxxx và tài khoản số 132100004xxxxx đã bị khóa.

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 02/12/2021, điện thoại di động Samsung Galaxy Note8, gắn sim số 0945.0xxxxx của P nhận được tin nhắn thông báo số dư trong tài khoản số 132100004xxxxx tại Ngân hàng BIDV có số tiền 114.610.000 đồng, P đã gọi điện đến tổng đài của Ngân hàng BIDV đề nghị

khóa giao dịch của tài khoản này với lý do sim số 092673xxxx đã đăng ký nhận mã OTP và dịch vụ SmartBanking với Ngân hàng BIDV trước đó. Đến ngày 03/12/2021, P đến Ngân hàng BIDV tại quận M, thành phố Hồ Chí Minh mở lại tài khoản, đăng ký tên đăng nhập, mật khẩu dịch vụ SmartBanking bằng sim điện thoại có số 092473xxxx do T cung cấp. Sau khi biết được P đã kích hoạt lại tài khoản, ngày 03/12/2021 và ngày 04/12/2021, T đi đến cửa hàng dịch vụ chuyển tiền ở đường T4, quận T3, thành phố Hà Nội và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7, vỏ màu đen bạc, gắn sim số 0961.836xxx đăng nhập SmartBanking chuyển số tiền 114.610.000 đồng sang số tài khoản 09099xxx tại Ngân hàng Techcombank của chị Nguyễn Thị Th2 (sinh năm 1992; trú tại: Nhà số 141 T4, quận T3, thành phố Hà Nội) để thuê chị Th2 chuyển số tiền 67.000.000 đồng cho P (gồm 50% số tiền chiếm đoạt và 10.000.000 đồng do T trả nợ cho P) vào số tài khoản 2510018xxxxx tại Ngân hàng Ngoại thương mang tên Dương Thị Th1 (sinh năm 1984; trú tại: Chung cư C2, phường P4, thành phố P5), còn 47.610.000 đồng thì chị Th2 rút tiền mặt đưa cho T. Số tiền chiếm đoạt được, T và P đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

Ngày 17/02/2022, Tr bị bắt giữ khẩn cấp, còn T và P đã đến Công an huyện T8, tỉnh Hà Tĩnh đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm.

Vật chứng, đồ vật, tài sản đã thu giữ:

- Thu giữ của T:

+ 06 thẻ ngân hàng đều mang tên CHU TIEN P, gồm: 01 thẻ ATM số 97043686233335xxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) có số tài khoản 10240xxxx; 01 thẻ ATM số 45361800061xxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) có số tài khoản 458345xxxxx; 01 thẻ ATM số 4026490003xxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) có số tài khoản 1018734xxxxx, kèm theo 01 thẻ sim Vietnam mobile, ghi số: 8984050xxx-134992xxxx; 01 thẻ ATM số 970418000003xxxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) có số tài khoản 13210004xxxxx, kèm theo 01 thẻ sim Vietnam mobile, ghi số: 89840xxxxx – 15211xxxxx; 01 thẻ ATM số 42214986984xxxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) có số tài khoản 190372430xxxxx, kèm theo 01 thẻ sim Vietnam mobile, ghi số: 89840xxxxx – 15404xxxxx; 01 thẻ ATM số 9704231391xxxxx của Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong (TP Bank) có số tài khoản 049878xxxxx.

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S7, vỏ màu đen bạc, số kiểu máy: SM-G935L, số seri: R39J101XZQ; số IMEI: 3559150708xxxx, gắn sim số: 0961.8xxxxx, mặt trước góc bên trái màn hình bị rạn nứt.

- Thu giữ của P: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note8, vỏ màu xanh, số kiểu máy: SM-N950F/DS, số seri: R39J80A7P1; số IMEI: 3515640904xxxxx, gắn sim số: 0945.07xxxxx, mặt trước và mặt sau bị rạn nứt.

- Thu giữ của Tr:

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5, vỏ màu đen, số kiểu máy: SM-J530L, số seri: RF9JB00SKJ; số IMEI: 357668081, gắn sim số: 0926.7xxxxxx.

+ 01 chiếc Ipad Mini5, màu vàng đồng, số máy: MUQY2KH/A, số sê-ri: DMPZ87V0LM95.

Các vật chứng đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Công Thanh T5 và người đại diện ủy quyền của anh T5 là chị Nguyễn Thị H1 yêu cầu T, P, Tr bồi thường số tiền 114.610.000 đồng. T, P đã tác động gia đình bồi thường cho anh T5 số tiền 114.610.000 đồng, trong đó, T bồi thường số 57.610.000 đồng, P bồi thường số tiền 57.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 46/2022/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Thân Văn T phạm tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thân Văn T 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 18/02/2022.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu số tiền 2.200.000 đồng thu lợi bất chính do phạm tội mà có đối với bị cáo Thân Văn T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Chu Tiến P và Ngô Văn Tr, xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/8/2022, bị cáo Thân Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thân Văn T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Thân Văn T 30 tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự là có

căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai thể hiện bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 2.200.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Việc bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo mới xuất hiện tại phiên tòa phúc thẩm và thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tình tiết giảm nhẹ này là không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thân Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để xác định: Thân Văn T quen biết Chu Tiến P. T đã trao đổi, thống nhất với P về việc mở tài khoản ngân hàng để bán lấy tiền và cùng nhau chiếm đoạt tiền phát sinh trong tài khoản đã bán. Ngày 05/10/2021, P đã mở tài khoản ATM số 132100004xxxxx mang tên "Chu Tien P" tại Ngân hàng BIDV, đăng ký nhận mã OTP và dịch vụ SmartBanking bằng số điện thoại 0926730060 do T cung cấp, còn nhận thông báo biến động số dư tài khoản đăng ký bằng số điện thoại chính chủ của P là 09450xxxxx. Ngày 21/11/2021, T bán thẻ ATM kèm theo các thông tin dịch vụ và số điện thoại 09267xxxxx của tài khoản này cho Ngô Văn Tr với giá 2.200.000 đồng. Để chiếm đoạt tiền của người khác, vào lúc 20 giờ 25 phút ngày 02/12/2021, Tr đã sử dụng thông tin dịch vụ tài khoản ATM số 132100004xxxxx mang tên "Chu Tien P" đăng nhập vào tài khoản số 275910205xxxxx của anh Nguyễn Công Thanh T5 hiện đang sinh sống và lao động tại X trên ứng dụng Ngân hàng Hana của X để chiếm đoạt số tiền 5.963.572 WON tương ứng với số tiền 114.615.384 đồng bằng hình thức sử dụng dịch vụ SmartBanking chuyển khoản 5.963.572 WON từ tài khoản số 275910205xxxxx sang tài khoản số 132100004xxxxx thành số tiền là 114.610.000 đồng (do Ngân hàng Hana tự động quy đổi) để rút sử dụng chi tiêu. Tuy nhiên, vào lúc 20 giờ 30 phút ngày

02/12/2021, P phát hiện tài khoản số 13210004xxxxx phát sinh số dư 114.610.000 đồng nên P đã yêu cầu Ngân hàng BIDV khóa giao dịch của tài khoản để sau đó cùng với T đăng ký mở lại tài khoản này và rút tiền chia nhau chi tiêu cá nhân, trong đó T được chia 57.610.000 đồng, P được chia 57.000.000 đồng. T và P đã bồi thường cho bị hại tổng số tiền 114.610.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Thân Văn T 30 tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác qua mạng viễn thông, phương tiện điện tử, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bố bị cáo đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau ngày 30/4/1975 và có quyết định trợ cấp 01 lần. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền số 0000516 ngày 15/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh thể hiện bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 2.200.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Việc bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo mới xuất hiện tại phiên tòa phúc thẩm và thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo sớm trở về hòa nhập với xã hội.

[5] Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo đã nộp xong tiền thu lời bất chính là 2.200.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[6] Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Thân Văn T về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Thân Văn T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Thân Văn T.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Thân Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 18/02/2022.

2. Ghi nhận bị cáo Thân Văn T đã nộp xong tiền thu lời bất chính là 2.200.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000516 ngày 15/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Thân Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: P. HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Tuấn